

MỤC LỤC

PHAN MỞ OAU.....	2
1. Lý do chọn đề tài.....	2
2. Đọc tuợng nghiên cứu của đề tài.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn.....	3
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Kết cấu của luận văn.....	4
PHAN NỘI DUNG.....	5
Chương 1: KHAI LUCtC VE SP HINH THANH VA NOI DUNG CỐ BAN CUA TRIET HOC PHAT GIAO.....	5
1.1 Khái liioc về sy hình thành phat giáo.....	5
111 1 Hoàn cách ra đời của triết học Phật giáo.....	5
112 Thân thế và sy nghiệp của Phật Thích Ca.....	6
1.2 Nội dung cơ bản của triết học Phật giáo.....	10
1.2.1. Quan diêm triết hợc Phật giáo về thế giới.....	10
1.2.2 Tu tợng triết học Phật Giáo về nhân sinh.....	13
1.3 Quã trình du nhập của Phật giáo vào Viet Nam và vùng Đông Bằg Sông Cũ Long 21	
131 Quã trình du nhập của Phit giáo vào nước ta.....	21
132 Quã trình du nhập của Phật giáo vào vùng Đông Bằg Sông Cũ Long.....	24
Chương 2: THUC TRANG ÆNH HUỢNG CUA TRIỆT HOC PHẮT GIPAO ĐÓI VÓI ĐÒI SONG TINH THAN CUA MOT BO PHAN DAN CU D TINH BAC LIEU.....	26
2.1 Khái quát vãi nét về đặc diêm văn hoá - xã hoi của tỉnh Bạc Liêu.....	26
2.1. I Khái quát về đặc diêm ty nhiên của Bạc Liêu.....	26
2.1.2 Đặc diêm văn hoá - xã hoi của Bạc Liêu.....	27
2.2 Ảnh hưởng tu tuotig triết học Phật giáo doi với đời sống tinh thần của một bộ phận dân cv ò tỉnh Bạc Liêu.....	28
2.2.1 Ảnh hiiing của triết học Phật giáo den phong tợc tập quán.....	28
2.2.2 Ảnh hiiing của triết học phat giáo den đạo đức Hi song.....	41
2.2.3 Ảnh huong của triết học phạt giáo den văn học nghe thuật.....	46
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẮM KẾ THỈA PHẮT HUY NHỮNG GIÁ TRI TÍCH CUC CUA TRIỆT HOC PHAT GIÁO TRONG XÂY DUNG OÀI SỐNG TINH THẦN Ở TỈNH BẠC LIÊU HIEN NAY.....	54
3.1 Những quan diêm dinh hướng cho việc kế thừa, phát huy những giá trị tích cyc của triết học phat giáo nhằm xây dựng đời sống tinh thần ở tỉnh Bạc Liêu.....	54
J. 1. I Quan diem chỉ die ve công tác tôn giáo của Dang.....	54
d. I. 2 Nguyen tic rõ chính sách đỄi với /ôn giáo.....	55
3.2 Một số giải pháp nhằm kế thừa, phát huy những giá trị tích cyc của triết học phat giáo trong xây dựng đời sống tinh thần ở tỉnh Bạc Liêu hiện nay.....	56
3.2.1 Kế thừa tu tợng phat giáo trong xây dựng đời sống đạo đức mới hiện nay.....	56
3.2.2 Kế thừa tu tợng phat giáo trong phát huy đạo lý đĩn toe.....	59
3.2.3 Kế thừa tu tuong phạt giáo trong xây dựng đời sống văn minh, gia đình hạnh phúc 61	
PHAN KET LUAN.....	66
TAI LIỆU THAM KHAO.....	68

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bác Hồ của chúng ta nhắc nhở câu: “Người có tài mà không có đức là người vô dụng. Người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Dân tộc Việt Nam từ xưa tới nay luôn được nhắc đến với truyền thống yêu nước nồng nàn, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau cùng đấu tranh chống lại kẻ thù giặc ngoại xâm cho dân tộc. Ngoài ra chúng ta còn rất nhiều truyền thống quý giá khác như: tinh thần đoàn kết, ý thức công đồng sâu sắc; can đảm dũng cảm sáng tạo trong lao động; lòng nhân ái “thương người như thể thương thân”; Hi sinh chung sức, tình nghĩa, thủy chung, khiêm tốn, giản dị... những truyền thống Việt Nam đã phát huy mọi sức mạnh tinh thần và chí quyết tâm của mình, trong đấu tranh với thiên nhiên, với kẻ thù xâm lược, với xã hội và với chính bản thân mình để hình thành nên những đặc trưng phẩm chất truyền thống đó. Dân tộc Việt Nam chúng ta là một dân tộc anh hùng, là một dân tộc giàu lòng nhân ái và tràn đầy tình yêu thương con người. Phần lớn tính cách của con người Việt Nam bị ảnh hưởng bởi truyền thống xa xưa của ông cha ta cũng như chịu tác động của nền văn hóa mang đậm lòng từ bi, bác ái, nhân hậu. Nói cách khác đạo đức nhân dân Việt Nam chịu sự tác động của triết học Phật giáo. Đây là nền triết học dạy con người phải biết yêu thương nhau, dạy con người phải sống thiện, sống từ tâm. Giúp đỡ lẫn nhau khi khó khăn hoạn nạn “lá lành đùm lá rách”, “một nam khi đói bụng một gói khi no”.

Triết học Phật giáo tuy bắt nguồn từ nền văn minh Ấn Độ cổ - trung đại nhưng được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, chính những tu sĩ Phật giáo, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân, một tình yêu bao la với chim muôn cây cỏ. Đặc biệt là Phật giáo có nếp sống đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm điều thiện tinh thần dân chủ phát huy mọi phẩm chất đạo đức... đã nhanh chóng xâm nhập và ảnh hưởng vào đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Trong chiều dài lịch sử dân tộc, nền triết học Phật giáo đã đi theo qua tất cả các nét đường của lịch sử. Tuy có lúc thăng trầm qua các triều đại, song nhìn chung Phật giáo đã góp phần duy trì những thành tựu to lớn và đôi lúc trở thành quốc giáo ở giai đoạn lịch sử thời

Dinh, Lê, Ly, Tran. Ngày nay Phật giáo đã đi sâu vào đời sống thường ngày của một bộ phận người dân Việt Nam.

Triết học Phật giáo có những tư tưởng hướng thiện cho con người. Có những lẽ loi, quy tắc bước con người vào lối sống đạo đức, thiên tâm cũng như ảnh hưởng của nó đối với người Việt Nam nói chung và nhân dân Đông Nam Bộ nói riêng. Từ những lý do đó, nên tôi quyết định đi sâu nghiên cứu đề tài: “Ảnh hưởng của triết học Phật giáo đối với đời sống tinh thần của một bộ phận cư dân ở tỉnh Bạc Liêu”

Bản thân quyết định đi sâu nghiên cứu đề tài này, nhằm tìm hiểu sâu thêm về ảnh hưởng của triết học Phật giáo đối với nhân dân. Tuy nhiên, do sự hiểu biết những hoạt động của Phật giáo, ảnh hưởng đến tư tưởng, tinh thần của nhân dân Bạc Liêu còn hạn chế, cũng như trong thời gian khá ngắn để đi thực tế tìm hiểu còn rất ít nên đề tài này ít nhiều cũng còn những mặt hạn chế của nó. Bản thân tôi kính mong sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô và bạn đọc, để cho đề tài này được hoàn thiện hơn. Song bằng tất cả những băn khoăn của tôi đã làm giàu hơn văn hóa Phật giáo. Một minh chứng của sự cố gắng, sự hiểu biết của bản thân về sự hướng dẫn tâm tình của thầy định nghiệp quyên, tôi đã hoàn thành đề tài này. Mong rằng với đề tài này chúng ta có dịp tìm hiểu thêm về triết học Phật giáo và ảnh hưởng của nó, nhìn lại nền văn hóa của dân tộc và con người Việt Nam nhân hậu, lương thiện, từ bi, bác ái.

2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đề tài này tập trung làm rõ các vấn đề:

- Những nội dung tư tưởng của triết học Phật giáo.

Thực trạng ảnh hưởng của triết học Phật giáo đối với đời sống tinh thần của người dân ở Bạc Liêu.

Một số giải pháp nhằm kế thừa, phát huy những giá trị tích cực của triết học Phật giáo trong xây dựng đời sống tinh thần của người dân ở tỉnh Bạc Liêu.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

Mục đích nghiên cứu.

Mục đích của luận văn là trình bày những nội dung tư tưởng của triết học Phật giáo từ đó tìm ra sự ảnh hưởng của nó trong đời sống tinh thần của người dân ở Bạc Liêu. Trên

cơ sở đó khai thác những quan điểm một số giải pháp nhằm thúc đẩy những ảnh hưởng tích cực và khắc phục những hạn chế triết học Phật giáo trong đời sống tinh thần của người dân Bắc Liêu hiện nay.

Nhiệm vụ của luận văn:

Đề thực hiện mục đích trên, luận văn cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

Làm rõ những nội dung tư tưởng của triết học Phật giáo từ đó rút ra những giá trị của nó.

Phân tích những ảnh hưởng của triết học Phật giáo đến các lĩnh vực đời sống tinh thần của người dân Bắc Liêu.

Nêu một số giải pháp nhằm thúc đẩy mặt tích cực, khắc phục mặt tiêu cực của triết học Phật giáo đối với đời sống tinh thần của người dân Bắc Liêu hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, những quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo. Về phương pháp nghiên cứu: đề làm rõ nội dung nghiên cứu và thực hiện những nhiệm vụ của đề tài đặt ra, luận văn đã sử dụng tổng hợp các phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong đó chú ý là các phương pháp logic và lịch sử, phân tích và tổng hợp, so sánh,گان lý luận với thực tiễn.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương và 7 tiết với tổng số 60 trang.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ SV HÌNH THÀNH VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO

1.1 Khái lược về sv hình thành Phật giáo

1.1.1 Hoàn cảnh ra đời của triết học Phật giáo

Phật giáo là một trào lưu tôn giáo triết học xuất hiện vào khoảng trước thế kỷ VI — trước công nguyên. Người sáng lập ra Phật giáo tên thật là Siddharta (Tạt Đạt Đa), họ Gôtama, dòng họ này thuộc bộ tộc Sakya. Ông sinh vào ngày mùng 08 tháng 04 năm 563 — trước công nguyên (theo truyền thống Phật lịch, tính vào ngày 15 tháng 04 và được gọi là ngày Phật Đản), ở phía bắc Ấn Độ. Cha là Suddhodana (vua Tịnh Phạn), trị vì dân tộc Sakya (chính là một phần xứ Nepal ngày nay, dưới chân Hy Mã Lạp Sơn), còn mẹ là hoàng hậu Maya.

Năm 16 tuổi, Thái tử lấy vợ là nàng Yasodhara, và sống cuộc sống trong cung điện. Nhưng bản tính Thái tử đa sầu đa cảm, khi nhận thấy thực trạng thối nát của đời người chung quanh mình, trước bối cảnh xã hội phân chia đẳng cấp khốc liệt và sự bất lực của con người trước những khó khăn của cuộc đời và xã hội, khiến ông sớm có ý định từ bỏ cuộc sống giàu sang, yên tâm đi tìm đạo lý cứu khổ cho bản thân và nhân loại. Lúc Thái tử bỏ nhà ra đi chính là lúc mà vợ vua hạ sinh đứa con đau lòng và duy nhất tên là Rahula. Bấy giờ Thái tử vừa được 29 tuổi.

Sáu năm ròng rã, Ông lang thang đây đó khắp thung lũng sông Hằng để cầu thầy học Đạo và theo đuổi mọi cách khổ hạnh cùng tu luyện của hầu hết các môn phái truyền thống mong tìm giải thoát. Nhưng không thỏa mãn, ông từ bỏ tất cả các giáo phái truyền thống kia đi và tự mình đi tìm chân lý.

Một đêm, ông đang ngồi trầm mắt dưới gốc cây bồ đề, ông chợt nhiên đại ngộ, giác ngộ được cái nguồn gốc của đau khổ và sinh tử.

Năm 35 tuổi, ông đã xác định và tìm ra chân lý, ông đi khắp nơi để truyền bá tư tưởng của mình và sáng lập Phật giáo. Sau khi thành đạo, Phật thuyết pháp lần đầu tiên ở cấp độ sơ đẳng, gần thành Benares ngày nay, cho 5 người bạn đồng hành, nhưng ban đầu cùng đi tìm đạo như Ngài.

Trong thời gian ròng rã suốt 49 năm Phật không ngừng đem cái dao diệt khô giang cho tất cả mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt nam nữ già trẻ hay giai cấp sang hèn gì cả. Phật viên tịch năm 80 tuổi, ở Kusinara. Sau này người đời suy tôn người bằng nhiều danh hiệu: Đức Phật (Người giác ngộ), Ông But (Buddha — Nhà hiền triết), Thích Ca Mâu Ni (Thánh Thích Ca).[19, trang 294].

Trong đời sống của Phật Thích Ca, có 3 giai đoạn quan trọng tiêu biểu được cả hệ thống giáo lý của Ngài: Lúc thiếu ấu, khi xuất gia và sau khi đạt Đạo.

1.1.2 Thân thế và sự nghiệp của Phật Thích Ca

Giai đoạn Đức Phật Thích Ca lúc thiếu ấu

Thái tử Siddharta vốn là một đứa trẻ cực kỳ thông minh, nhất là có tính trầm ngâm và thích sống một mình trong cô tịch. Chính cái đặc tính ấy khiến cho vua cha lo sợ và lại lúc mới sinh ra Thái tử, các thầy tư tưởng sơ đã đoán sau này Thái tử sẽ ly gia thoát tục.

Như vậy, vua cha cần phải lo trước dứt “hậu hoan”, trông lên đầu Thái tử cái ách gia đình: Siddharta cần phải lay vo.

Suy nghĩ muốn rằng bước Thái tử quyền luyện cuộc đời trần tục, vua cha càng ngày càng cho tăng thêm thú vui quyền rũ xác thịt, cho Thái tử hòng thu tất cả các khoái lạc của trần gian... Tuy nhiên, Thái tử dù đã được nuông chiều và nuôi trong **nhung lụa** vàng son, day xa hoa, truy lạc vẫn không bị say đắm sa đọa, **ma còn lại** lắm cho lòng càng thêm chán ghét cảnh phú quý cực đo. Qua đó, nó đã giúp cho người thay đổi cái tâm thường tế nhị của nhục dục thật tình và cái trong rong vô nghĩa của cuộc đời ích kỷ. Có song trong phú quý, mới thật là người khinh phú quý.

Tính tình ham suy nghĩ khiến Người bao giờ cũng phóng tâm con mắt ra xa hơn hiện tại, nên dễ thay ro được cái chỗ cuối cùng cũng như cái khói đầu của sự vật, nghĩa là thay được cái nhân và cái quả của sự đời. Và chính cái óc Nhân Quả ấy khiến sau này Người đi tìm ra được cái nguyên nhân của đau khổ.

Trong đầu tiên dao chày ó của thành phía Đông, Thái tử trông thấy một ông cọt già lợt khợt, đầu tóc bạc phớt, chỉ còn da bọc xương... Thấy người mã nghĩ đến mình: trẻ rot lớn, roi già... Khi trở về cung, Người mãi ngâm ngẫm, trầm ngâm suy tư.

in thú hat, Người đi đạo ra thảnh phía Nam, Thái tử gặp một người bệnh nam rên la thán thiết quá. Tró ve cung, Thái tử nãi ngâm ngùi ve cái kho của bệnh tật hằng ngày bao vây con người, không buông tha cho inot ai ca.

in thú ba, Người đi đạo ở của thảnh phía Tây, gặp một đám tang, thân bang gia quyến đi theo sau khóc thán thiết. Tró ve cung Thái tử lại càng thêm xúc động ve cái lẽ vô thường của số kiếp con người: trẻ rồi lớn, lớn rồi già, già rồi bệnh, bệnh rồi chết... .., sinh, lão, bệnh, tử, khô.

in thú tư, Người đi đạo ra thảnh phía Bắc, Thái tử gặp một người áo vàng... đi đúng khoan thai về người diêm đạm ung dung. Đó là một vị tu hạnh y tướng xuất gia tìm đạo đã bat dau chuyen manh trong lòng Người.

Sau khi Thối tử tró ve cung, quân hầu báo tin vừa sinh đã thúc giục Thái tử phải mau cương quyết ly gia cát ái để mà bớt gây ràng buộc của tình thương.

Roi duong đêm, Thái tử sai chàng Charnda người gởi ngựa, thàng ngựa Kanthaka, cương quyết cùng trốn đi ra của thảnh phía Bắc.

Giai đoạn Đức Phật Thích Ca khi xuất gia

Thái tử Siddharta cũng như mọi người, đi câu dao với hạt dạt su có tên tuổi là Alara Kalama và Roudraka. Kalama thì ở lại Cams, còn Roudraka thì ở Raiagriha. Doi với hai bậc thầy đại đức trên đây, Thái tử to ra rất chững chạc... Nhưng năm de tu của Roudraka lại chạy theo Siddharta, cho rằng Thái tử còn cao de hơn thầy của họ nhiều. Sau cùng Siddharta bỏ hai ông Alara và Roudraka mà đi luôn, vì ông cảm thấy cái học của họ không giải quyết được vấn đề diệt khổ. Đi tìm đạo, đâu phải cần có người hướng dẫn. Siddharta lan dần dần đã phá bỏ được một thành kiến là tu không cần phải có thầy. Mọi người đều có thể “tu tu tu ngô”.

The nhưng, ông vẫn còn thắc mắc trong lòng một thành kiến truyền thống khác nữa của Ấn Độ cổ - Trung đại là còn tin nơi hiệu quả của sự “ép xác” nghĩa là “tu khổ hạnh”. Ông nhìn ăn, bò ngù, tinh toa,... hành xác dù rọi cách theo các nhà tu ngoại đạo nhưng rốt cuộc chỉ đem đến một thể xác bạc nhược đến nỗi ngay xiu. Tình lại, ông mới rõ sự sai lầm của phương pháp khổ hạnh.

*Giai đoạn **Đec Phat Thích Ca** khi doc dpo*

Khi đac dao roi, Ngươi lăm gì bây giờ? Trước đây số di Ngươi đi tlm Dao là muon cứu giúp con người khỏi bê khô, khỏi những nhuc dục của tran gian đfui phai chỉ có cá nhân Ngươi, mà đem lai cho toãn thê nhân loai dau khô.

Nhung chính ngay khi Ngươi đac dao, Ngươi carn thay do du, không rõ có đi truyen bá chân ly ay cho người trong thiên ha chăng? Chân ly mà Ngươi sap đem truyen bá là cái chân ly Vô ngã, người trong thiên ha at mã chiu nghe. Già sù mò có nghe thì chac gì hp làm theo, vả chac gì hp cam nhân dupc dê ruóc nó vào tâm hôn mình. Bói vì nó rat cao siêu, quá tarn hiêu biet của con người, không khéo lai đi lăm công đã trắng, phí công vô ích.

Than Brahma Sahampati lien hien lên, đã phá cai óc hoãi nghi của Phât: Ngãi suy nghi lai cho thật kỹ. Hien thòi cúng không biết bao nhiêu kè mã tinh than chỉ vài búc măng vô minh rat rònng che dây thôi. Ho có the linh hoi duoc, chú sao không. Bâc chí thánh, không can hời ai khai thi đã dành, cúng nhu những kè chỉ ngu, không ai làm cho hp hời dâu tình ngo. Nhimng bâc trung lini thì rat có thê “khai quan diêm nhân”, hp dang chò đ9i Ngãi. . . và lai hp dâu phai ít”.

Dũc Phât nhìn thay trước mat có mot dam sen, có cong m9c lên khỏi mặt nước, c9ng thì an dưới mat nước. Trên the gian có người trí người ngu, dâu phai tat ca den là b9n ngu phu...Ngai bèn nói: “Chân ly sẽ mò rong cho m9i người, kè nào có tai nghe thì nghe”.

Lòng do du của Phât lúc ban dau, thuc không phai là không có phan hũu lý vả xác đáng. Phan đông người trong thiên ha deu muon người ta giáng cho nghe những gì ho thích thuận với lòng nguyên uóc của ho, hon là những giáo lý không thoã duoc lòng mong moi đ9i chò của hp.

Phât giáo nguyên là mot hoc thuyet vô ngã lâu ngãy trở thành mot giáo ly Húu ngã vả cau phức. Ho bảrn vảo thuyet luân hời, de mong diipc kéo dãi su trường tôn của Ban Ngã. Hay nói mot cách khác, hp không chiu chap nhan thuyet Vô Thuồng vả Vô Ngã dè cân thoát cảnh Luân Hời. Tính do Phat Giáo căng ngãy càng đông, giáo ly của Phât càng ngay căng bi ha thap vả xuyên tae. Đó là so phan chung của tat ca m9i giáo

ly cao siêu, virpt hãn cái tarn hiêu biet của dat chúng không sao tránh đuc. Vả cúng vì the, mã sau nầy Phât nhập diêt, Giáo lý nhã Phât lien chia ra vô so tông phái, moi phái deu có sac thái riêng biet cao thap khác nhau phii h9p với trình do của nhiều nhóm người khác nhau ve căn cơ trí thức.

Ngo Dao roi, Phât sang thãnh Varasani (thúc lã thãnh Benares bây giò), vảo rùng Loc Uyên (Mrgavana) tì lai năm người de tù của Roudraka mà trước đã từng Ngãi tu khô hanh.và chính nơi đây, Người bat dau “chuyên pháp luân” thuyet minh “tư diêu de”. Theo kinh Tarn Tang, buổi thuyet pháp này đupc xem là quan tr9ng nhất, vì Phat đã trình bày đuc mot cách het súc lã giàn di rõ rãng nen tàng của tat cả Giáo lý của Ngãi, Phât nói. “Có hai phái cuc doan mà người muon song đupc một dòì song giải thoát can phai tránh xa. Cuc doan thũ nhất lã lay nhùng lac thú xác thit mã lãm mục đích của dòì người. Đó lã mot nep song thô bi vô ngu xuãn. Nhung cái cuc doan thú hai lã song mot dòì kho hanh vã ép xác. . . cũng chi gây tao cho con người thêm dau khô vat va vô ích”. Nhu Lai đã trách hai cuc doan ay và đã tìm ra con đường “giũa” (Trung dao): con đường ay đã dna Người den Trí Hue Bát Nhã vã giải thoát hoãn toãn. Dùc phât đã từng kinh nghiệm sâu xa hat cuc doan ay: Trtróc kia, Thái tu đã nem dù mùi khoai lac nhất thòi thòi, vã chi làm cho Ngãi bãn khoãn và hoi han. Vã ve sau, Ngãi lai tu theo khô hanh, nhưng rồi chi thay toãn là dau dón, chú chãng thay có kyi ích gì cho viec đi tìm chân lý.

Nhu mot bậc Dai Y, Phât đã áp dung mot phirong pháp diêt khô không khác gì phương pháp tri bệnh của nhã Y: Bệnh gì? Tai sao có bệnh ay? Vã phai lãm cách gì de tri bệnh ay? Đó là “tứ diêu de” bon cai chân lý huyen diêu mã ta có thể gpi lò tat cả tình hoa của Phât giáo nguyên thuy.

Tóm lai, con đường tu đạo lã rat gian truãn. Dè dam đạo, Phat đã dám tù bo lau son gác tía, cuoc song nhung lua cũng nhu tù bó vp dep con thø vã quyen luc. Phât chap nhân cuoc song gian khô, trải qua những cuoc thù nghiern, nhúng thãng tram khô hanh. Dê rot cuoi cung Người cũng tìm ra chân lý cứu nhân do the.

Xét ve mặt triet hpc, Phât giáo đuc cor lã triet lý thãng trãm ve vô tru, con người, với mục đích muon giai phóng con người khỏi m9i khô dau bang chính cuoc

song đức do của con người. Phật đã nhanh chóng chiếm được tình cảm của đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Nó trở thành biểu tượng của lòng từ bi bác ái trong đạo đức truyền thống của nhân dân Châu Á nói chung và nhân dân Việt Nam nói riêng.

Kinh điển Phật giáo rất đồ sộ. Nó gồm 3 bộ phận gọi là Tam tạng Kinh:

Tạng kinh: Ghi lại những lời dạy của Phật Thích Ca

Tạng luật: Những quy định mà giáo đồ Phật giáo phải tuân theo

Tạng luận: Các tác phẩm luận giải về Phật giáo của các học giả cao tăng về sau.

Như vậy, với một tình yêu thương nhân loại vô hạn, Người không thể chấp nhận những bất công mà xã hội Ấn Độ đang tồn tại. Thái tử Siddharta đã từ bỏ tất cả để đến với một sự giải thoát con người khỏi những bất công mà thành quả tuyệt mỹ đó là Phật giáo.

1.2 Nội dung cơ bản của triết học Phật giáo

1.2.1. Quan điểm triết học Phật giáo về thế giới

Cốt lõi của triết lý Phật giáo về thế giới được thể hiện tập trung ở nội dung của ba phạm trù cơ bản là: vô ngã, vô thường và duyên.

Phật ngữ “Vô ngã”

Vô ngã là không thừa nhận cái tôi chân thật, cho rằng thế giới xung quanh chúng ta và cả con người không phải do vị thần nào sáng tạo ra mà do sự cấu thành của hai thành phần: phần sinh lý và phần tâm lý, phần hình chất và phần tinh thần. Cái tôi sinh lý, tức thể xác, hình chất gọi là “sắc” gồm địa, thủy, hỏa, phong. Cái tôi tâm lý, tinh thần tức là tâm, chỉ có tên gọi mà không có hình chất, gọi là “danh”. Bản yếu tố do nhân duyên kết hợp tạo nên phần tinh thần (danh) của con người là:

Thu: là những cảm giác, cảm thụ về sự khô hạn hay sự mát mẻ của da thịt sự xúc cảm, linh hoạt với thân và tâm.

Tuồng: là suy nghĩ, tư tưởng.

Hành: là ý muốn thúc đẩy hành động.

Thức: là nhận thức, ý thức về ta.

Chính cái Danh và cái Sắc đó kết hợp với nhau thành Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn tác động qua lại tạo nên vạn vật và con người nhưng sự tồn tại của vạn vật chỉ là tạm thời,

nhưng không có sự riêng biệt nào tồn tại mãi mãi, do đó cũng không có cái Tôi chân thật.

Phạm trú “ Vô thạc óng ”

Là sự biến hoá không ngừng với mọi sự vật hiện tượng nam trong quá trình biến đổi theo chu trình sinh, trị, di, diệt... do đó, không có cái gì trường tồn, bất diệt, chỉ có sự biến đổi không ngừng.

Đức Phật dạy: *“Tất cả hữu vi / trong thế gian đã là hiện tượng, huyễn hoặc, đều là vô thường”* [19, trang 299]. Vì vậy có nghĩa là không trường tồn, không mãi ở yên một trạng thái nhất định, luôn luôn thay đổi hình dạng, đi từ trạng thái hình thành đến biến đi rồi tan rã.

Theo quan niệm triết học, có người nghi rằng Đạo Phật nói vô thường phải chăng gieo vào người những quan niệm chán đời, thối chí. Vì vậy, sự vật đã vô thường thì không làm nên gì cả, có tiếng nói hoạt động kinh doanh, sự nghiệp rồi không đi đến đâu cả.

Vô thường của Đạo Phật là một phương pháp chỉ rõ mặt trái của đời, để bài trừ những sự: mê lầm, ngăn chặn những người chạy theo vật dục, nó chứa đựng sự tuyệt đối. Vô thường là một định luật chi phối tất cả sự vật từ thân tâm cho đến hoàn cảnh. Hiểu lý vô thường con người sẽ giữ được bình tĩnh, thanh thản trước cảnh thay đổi bất ngờ.

Phạm trú “ du yên khởi ”

Duyên là điều kiện giúp cho nguyên nhân trở thành kết quả. Phật giáo cho rằng mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ từ cái nhỏ nhất đến cái lớn nhất đều chịu sự chi phối của luật nhân duyên. Trong đó duyên là điều kiện để giúp cho nguyên nhân trở thành kết quả. Kết quả này lại có duyên mới trở thành nguyên nhân khác. Nhân khác lại nhờ duyên mà thành kết quả mới, cứ như vậy tạo nên sự biến đổi không ngừng của các sự vật.

Quan điểm của triết học Phật giáo về Nhân - Quả.

Nhân là nguyên nhân, quả là kết quả. Nhân là công nhân phát động, quả là sự hình thành của năng lực phát động ấy. Nhân quả là một định luật tất nhiên, nêu rõ sự

tuong quan, tuong duyên giữa nhân và quả, phẩm hê có mot nguyên nhân tác dong, tat nhiên có ket qua hình thănh. Do đó người ta thường nói trong ót thì dupc ót, trong dău thì duoc dău.

Theo quan niem của Phât giáo nhân gieo thì quă trô, nhân lành dem lai quă tot, nhân ác dem lai quă xau. Đó là dinh luật tu nhiên, phâi trô sinh nhu vâi chú không phâi lò hình thức thuợng phat. Su tien triên tír nhânh den quă cúng tunhiên vò can thiet nhu su xoay chuyên của Măt trăng xung quanh Mat tròi.

Nguyên nhân thú hai của nhfin qua là qua trô liên tợc. Mot nhă bác hợc trong dôi song thì luôn tìm tòi kinh nghiệm, kien thức. . .den lúc tái sinh tat cầ nhiing kien thức kinh nghiệm ay cũng dupc chuyên từ dôi này sang dôi khác. Dôi khi ta phan phat nhó lai mot vâi kinh nghiệm vâ kien thirc trong kiep trước nhưng lam lúc ta quên hăn, cung nhu ta quên mot vôi kinh nghiệm vâ kien thức lúc nhó trong mot kiep song.

Luât nhân quă có tác dong rnot cách máy móc. Khi cái nghiệp quá năng thì con người dau có muon thì cúng không sua dôi ket qua nghiêm khắc nó duoc. Chính kien vâ tãi y trong sach có thê sũa chũa phan năo cái nghiệp. Nghiệp lăng có thê lăm dlu bót phan năo của quă dii. Dinh luật Nhân Quă thât lò phũc tap.

Theo te trang triêt hợc.

Nhân non quá nay: chúng ta biet rang trông ót thì du9c 'ot chú không thê trong 'ot mà dupc dậu, thu hói có người nào trông ót mà ra dậu chua? Mot người làm lanh sẽ gặp lănh, lăm dii sẽ gặp dũ, đó là lê tat nhiên.

Trong nhân có quá, trong qua có nhân: Nhân quă là mot chuoi dăi, quá hờn nay có là do nhân gieo từ trước vò quá hờn nay cúng là nhân của quá o vi lai.

Nhân có nâng ldc tao thành hình thăng. ' Có go (dinh nhân), cua, búa, duc, công thø (duyên) lăm ra ban ghe, den khi go hay dinh mợc ban ghe hu hóng làm cui chệm lũa hay ném bò. Nhu vâi, nhân không còn thì sq vât tan rã theo luật khác: thănh, trậi, hoai, không.

Sv phát triên nhanh hay ch m t'u: Nhân den Quă.

Nhân quá dong th<n: Nhân vũa phát khói, quă di theo lien, nhu đánh chuông men nghe tieng, nhu vâi qua theo lien với nhân chú không doi thời gian lâu.

Nhân quả trong hiên tại: chúng ta tạo nhân trong đời này thì kết quả cũng trong đời này, chẳng hạn như trong cây dứa ta đục dứa có trái, trong đời người ta ăn ó hien thì gặp lãnh, ó ác gặp việc dữ.

Nhân qua nhiều đời: Nhân tạo từ đời trước hay những đời trước, đời này dù thuận duyên mới có kết quả, nhân tạo trong đời này chia dù thuận duyên chưa có kết quả trong hiện tại, sẽ có kiếp quá o kiếp sau. Có người ăn ó hien lòng luôn luôn gặp dữ, việc dữ ấy là do nhân đã gieo từ kiếp trước nay có duyên thành kết quả, còn việc ăn ó hien lãnh kiếp này chưa có duyên hay còn phải bị tra những quả của kiếp trước rồi những kiếp sau mới gặp được kết quả do kiếp này gieo, cho nên nhìn nhân quả theo khía cạnh tức thời, không thể giải thích được luật nhân quả phức tạp như thế.

Tóm lại, Nhân- Quả là một định lý tất nhiên. Mọi sự: vật cau thònh, mọi hoàn cảnh phúc, hoa, sang, hèn, vinh, nhục đều do nhân quả mà ra, hiểu rõ nhân quả để chúng ta gan tu học, ăn hien ó lãnh, gieo nhân tích đức.

Ngầy ngay tinh tan trong tu học, đục nhu vậy, chúng ta đang đi nhanh trên con đường giải thoát, làm cho tốt đạo đẹp đời, phải có lòng tin về luật Nhân- Quả.

Nhìn chung, qua các phạm trù Vô ngã, Vô thường, Duyên, Nhân-Quả, triết học Phật Giáo đã bác bỏ quan điểm duy tâm cho rằng thần thánh sáng tạo ra con người và thế giới. Phật Giáo cho rằng thế giới và con người được kết thành từ những yếu tố vật chất, yếu tố đó nằm trong quá trình liên hệ, vận động, biến đổi theo các quy luật Nhân-Quả khách quan. Đó là quan điểm duy vật biện chứng sơ khai về thế giới, tuy còn chất phát, mơ hồ nhưng đó là cách giải thích đúng nhất, đáng trân trọng và có tác dụng chong lại cách giải thích duy tâm về thế giới.

1.2.2 Tư tưởng triết học Phật Giáo về nhân sinh

Nội dung triết lý nhân sinh quan của Phật Giáo thể hiện tập trung trong thuyết Tứ Diệu Đế mà đời đời mọi người phải nhận thức được.

Tứ Diệu Đế là chữ Hán dịch từ chữ Phạn Catvary Aryasatyani Arya là Diệu: cao quý, mau nhiệm; Satya là Đế: là sự thật, là chân lý. Tứ Diệu Đế còn dịch gọi là Tứ Chân Đế, Tứ Thánh Đế, Bốn Chân Lý mau nhiệm.

- *Khổ Đế* (Dukkha): là thực trạng đau khổ của con người.

- *Top DC* (Samudya): là nguồn gốc hay nguyên nhân dẫn đến thực trạng đau kho

- *Diet De* (Nirodha): là sự kết thúc hay chấm dứt đau khổ.

- *Dao De* (Magga): là con đường hay phương pháp thực hành dẫn đến chấm dứt khổ đau.

Một là, Khô De (Dukkha): Khô De là một chân lý cho rằng cuộc đời con người là bề khổ. Khô đau là một thực trạng mà con người cảm nhận từ lúc lọt lòng mẹ cho đến khi nhắm mắt xuôi tay, không ai phụ nhận điều ấy. Con người luôn có xu hướng vượt thoát khổ đau, tìm kiếm hạnh phúc, nhưng vì không hiểu rõ bản chất của khổ đau nên không tìm được Hi thoát thực sự; đôi khi ngược lại, càng tìm kiếm hạnh phúc càng vướng vào khổ đau.

Khô đau là một chân lý, một sự thật về bản chất cái khổ. Đức Phật dạy: “này cóc Tỷ kheo, bấy giờ dây là chính lý cao siêu (điều ấy) về sự khổ: sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, tử là khổ. Tiếp xúc với những thứ khó chịu là khổ, xa cách những thứ mình yêu thích là khổ và không đạt được điều mình mong muốn là khổ, tóm lại năm uân (Khandhas) là những cái khổ.

Như vậy, Khô chia làm 3 phần như sau:

Về phương diện sinh lý: Khô là một cảm giác khó chịu, bức xúc, đau đớn. Khi ta bị một gai nhọn đâm vào chân hay một hạt cát vào trong mắt. . ., đây là sự bức bách đau đớn của thể xác. Con người sinh ra đã vất vả và khốn khổ; lớn lên già yếu, bệnh tật khổ vô cùng; về cuối cùng, cái chết sự tan rã cuối cùng của thể xác đem đến kho thối nát lao.

- *Về phương diện tâm lý:* Là sự khổ đau do không toại ý, không vừa lòng. . . sự không vừa ý sẽ tạo nên nỗi đau lớn về tâm lý. Những mất mát, thua thiệt trong cuộc đời làm mình khổ. Người mình thương muốn gần mà không được, người mình ghét cứ gặp gỡ hoài, mình muốn tiến tài, danh vọng, địa vị nhưng nó cứ vượt qua ngoài tầm tay của mình. Cuộc đời như muốn trêu người, nhưng mọi ước không toại ý, lòng mình luôn trong trạng thái bức bách. . . Đây là nỗi khổ thuộc về tâm lý.

Khô là sự chấp thu năm uân (Upadana-skandhas): cái khô thì ba này bao hàm hai cái kho trên, như trong Kinh đã dạy. “Chấp thu năm uân là khô”.

Năm uân là năm yếu tố nương tựa vào nhau để tạo thành con người, gồm có: thân thể vật lý và cấu trúc tâm lý như: cảm giác, niệm tưởng, hành và thức (sắc, thụ, tưởng, hành, thức). Nói một cách tổng quát, khi ta bám víu vào năm yếu tố trên, coi đó là ta, là của ta, là tu ngã của ta, là sự khô đau có mặt. Ý niệm về “thân thể tôi”, “tình cảm tôi”, ‘fi tưởng tôi’, ‘âm tu tôi’, “nhân thức của tôi”. . . hình thành một cái tôi ham muốn, vì kỹ; từ đó, mới khô đau phát sinh. Mọi khô đau, lo lắng, sợ hãi, thất vọng, điên cuồng đều gan với khái niệm về “cái tôi” ấy.

Như vậy, quan điểm triết học Phật giáo lý giải cuộc đời con người là khổ, trong đó trước hết có 8 cái khổ (bát khổ) mà đề thay nhất đó là: sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, chết biệt ly khổ (yêu nhau mà phải xa nhau), oán tăng hối (ghét nhau mà phải gan nhau), số câu bất đắc (mong muốn mà không được), ngũ thọ uan (do 5 yếu tố tạo nên con người). Vì vậy, con người ở đâu, làm gì cũng khổ.

Hai là, Tạp đề (Sanudaya): là triết lý về nguyên nhân của sự khổ. Phật giáo đưa ra 12 nguyên nhân của sự khổ gọi là “thập nhị nhân duyên”: Vô minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lặc Nhập, Xúc, Thu, Ái, Thu, Húu, Sinh, Lão, Tử.

- *Vô minh.* Là không sáng. Sự mê muội, bất giác và cuốn si của tâm thức. Vô minh là nguồn gốc gây nên mọi tội lỗi, làm cho chúng ta bị trôi lăn trong khổ đau. Mọi việc sai trái của chúng ta đều do Vô minh mà ra.

- *Duyên hành:* Là ý muốn thúc đẩy hành động.

- *Du5ên thức:* Tâm tư trong sáng trở nên u tối.

- *Du yện danh* - sắc: sự hội tụ các yếu tố vật chất và tinh thần sinh ra các cơ quan cảm giác (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể và ý thức).

- *Du yện lục nhập:* là quá trình xâm nhập của thế giới xung quanh vào các giác quan.

- *Du) ện xúc:* là sự tiếp xúc với thế giới xung quanh sinh ra cảm giác.

- *Du) ện thu:* là cảm thụ, sự nhân thức trước sự tác động của thế giới bên ngoài.

- *Duyên ái*: tham ôi, lã si: yêu thích này sinh từ ham muốn do cảm thọ thế giới bên ngoài.

- *Du yên thú*: do yêu thích rồi chiếm lấy, giữ lấy.

- *Du yên hiêu*: lã sự tôn tại dễ tâm hướng cái đã chiếm đoạt được.

- *Du yên sinh*: sinh mạng, lã sự ra đời, sinh thành do sự tôn tại

- *Du yên lão tử*: là già và chết do sự sinh thành.

Đó là 12 nguyên nhân và kết quả nối tiếp nhau tạo ra cái vòng luân chuyển của đời sống khổ đau nhân loại. [15, trang 17]

Nó rất quan trọng đến nỗi Đức Phật, trong Tuồng Ung I, tuyên bố rằng: “Nếu không liễu tri (biết rõ) về năm uẩn hay 12 nhân duyên, thì không thể thoát ly sinh tử luân hồi”. Năm uẩn bao gồm: sắc, thọ, tưởng, hành, và thức. Nó tương tự như 12 nhân duyên:

12 nhân duyên	=	Năm uẩn
Vô minh và hành	=	Hành uẩn
Thức	=	Thức uẩn
Danh sắc	=	Sắc uẩn
Tho	=	Tho uẩn
Ái, thù, hữu	=	Hành uẩn
Sinh, lão- tử	=	Năm uẩn [16, trang 69]

Tóm lại, chúng ta có thể nhận thấy một cách rõ ràng, khổ hay không khổ do lòng mình; lòng mình day tham lam, có chấp, bao thủ, nhân thức sai lầm thì khổ là chắc chắn. Nói cách khác, do cái nhìn của mọi người với cuộc đời mà có khổ đau không. Nếu không biết sự chấp ngã và dục vọng vì kỷ hay phiền não khuấy động, chi phối, ngu tri trong tâm thì cuộc đời day an lạc, hạnh phúc. “Hỡi các vị kẻo, bây giờ đây là điều để về chấm dứt các khổ: đó là sự đoạn diệt không có dư tàn của tham ái, lã sự khirót từ, chối bỏ, giải thoát, không còn chấp thủ”.

Ba Ìa, Diet de (Nirodha): Diet là chấm dứt, lã dập tắt. Diet De là sự chấm dứt hay dập tắt phiền não, nguyên nhân của đau khổ và sự chấp thủ khổ đau; cũng có nghĩa là hạnh phúc, an lạc. Diet De đồng nghĩa với Niet ban (Nirvana).

Dao phat xac nhân cuoc đời day ray nhùng dau khô, dong thời cúng xác nhan mot su thuc khác nũa là an lạc, hanh phúc.

Sion fó. Bạo De (Maga): Dao là con đường, lag phương pháp thuc hien dê dục an lạc, hanh phúc trong đời song hăng ngậy hay hanh phúc tuyet doi Niet bàn. Nhir vậy, toàn bo giáo lý mã Đức Phật đã day là Dao De, tông quát và căn bản gom có 37 pháp, thường got là 37 phạm trù đạo. Trong 37 pháp thì Tóm thốnđ đạo đượ coi là tiêu biểu và căn bản của Dao De. Tám thánh đạo, còn gọi là Bát chánh đạo-con đường chân chính-có 8 chi phan: “Hỏi các ti kheo, bày giờ đây là đieu de ve con đường đản đên sir diet khô: đó là Bát Chánh Đạo, gồm có Chánh Kiến, Chánh Tu Duy, Chánh Ngĩ, Chánh Nghiep, Chánh Mang, Chánh Tinh Tien, Chánh Niêm, Chánh Dinh”.

Chănli liên (Sammà Dittli 1: Thay vã hiều đúng đản, nghi lã nhan thúc đúng ve dao đũc của cuoc song, cái não lã th ien, cái nào lò ác. Nhân biet đúng ve bản chat của su vật là vô thường, vô ngã, duyên sinh. Nhân thúc rõ bản chat của khô, nguyên nhfin của khô, sir diet khô và con đường đản đên cái khô.

Chanh tu duy (Sammà Sankappa).’ Suy nghi đúng đản, nghĩa là đúng de dau óc của mình nghi ngqi nhữg van de bat thien nhu tham dục, tirc toi giân hòn, bao dong hãm hai. .. đản tu duy của mình huóng ve tâm cao thuqng nhu tu duy ve su buông thà, su giai thoát, sđ giai thoát, ve yếu thương giúp đỡ chúng sinh, ve sir bat bạo dong, nhan nhọc, tram tinh.

Chánh ngữ (Sammà Vácà).’ Ngón ngĩ đúng đản, nghĩa lã không nói nhing l’oi đản đên dau kho, chia rẽ, hung bao, căm thù. Nói nhing lời lè đản đên xây dung niem tin, đoàn ket hoã hop, thtrong yèu và lợi ích.

Chánh nghiep (Sammà Kammanta): Hành vi đúng đản, nghĩa lã không có hãnh vi giết hai, trom cuóp, hanh vi phi pháp. Thuc hanh su thương yếu, cứu giúp, không ham muon thú vui bat thien.

Chánh mqng (Sammà Ajivà): Đời song đúng đản, nghĩa là phương tien muu sinh, nghenghiepchânchinh, khôngsongbangnhãgnghhephiphấp, docác, gianxảo.

Chănli tinh tin (Sammà Và yàma). No luc đúng đản, nghĩa lò no luc đản trir đieu ác, no luc thuc hien đieu thien.

Chǎnli niem (Sammà Sati). Nhớ nghĩ đúng đắn, nghĩa là dùng nhớ nghĩ các pháp bất thiện, đúng để cho các đối tượng bất chính dần dần mất đi lang thang. An trú tâm trí vào thiện pháp.

Chanh đfnh (Sammà Samàthi). Tập trung tu tướng đúng đắn, nghĩa là dùng để tâm thức bớt rời loạn, tập trung tập trung lắng an tĩnh tâm thức một cách đúng đắn, có hiệu quả để phát triển tuệ giác.

Mối quan hệ giữa các chi pháp Bát chánh đạo là không thể phân ly, chi pháp này có trong chi pháp kia, cái kia hỗ trợ cái này. Bát chánh đạo (Tám thánh đạo) có thể chia thành ba bước là: Giới, Định, Tuệ. Giới là *Chǎnh it gú, Chanh nghiệp, Chónh mgng*; Định là: *Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định*, Tuệ là *Chánh Kiến, Chónh tuệ duy*. Xác định Bát chánh đạo là con đường dẫn đến giải thoát.

Con đường tu tập của Đạo đức là con đường nỗ lực tu thân của mọi Phật tử và của mọi người, con đường ấy vừa thực tiễn vừa có hiệu quả ngay tại đời sống này. Theo con đường Bát chánh đạo nói trên con người có thể diệt trừ được Vô minh, dần dần giải thoát nhập vào Niết bàn, đó là trạng thái hoàn toàn hạnh phúc.

Quan điểm triết học Phật giáo về Ngũ giới (giáo luật)

Giới, Phan ngữ Sĩ la, phiên âm Thi-la, nghĩa là phòng hộ để thân tâm không phạm lỗi và ngăn chặn tất cả những tội ác.

Ngũ giới là năm điều ngăn cấm mà đức Phật đã sáng tạo ra để ngăn cấm những tương niệm ác, nói năng chẳng lành, hành động bất chính. Năm điều răn ấy là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Mục đích mà đức Phật đưa ra năm giới là để ngăn ngừa sai quấy, định chi điều ác. Vì ác nghiệp phiền não giống như lửa dữ thiêu đốt thân tâm chúng sanh, Đức Phật sáng tạo ra năm giới để có thể dập tắt phiền não tham, sân, si...

Noi dung của năm giới:

Bat sat.- không sát sanh

Sanh là chúng sanh, bao gồm tất cả động vật có tình thức. Không sát sanh nghĩa là không được giết hại mạng sống của con người. Chúng ta quý mạng sống của mình, vô lý lại sát hại sinh mạng kẻ khác. Nếu làm, chúng ta đã trái lẽ công bằng thiếu lòng

nhân đao. Giết hại mang song người có ba loại: trực tiếp giết, xúi bả người giết, tuy hi trong việc giết hại. Suy rộng ra, chúng ta quý trong mang song, con vật cũng quý trong mang song, dễ lòng công bằng tràn đến các loài vật, chúng ta không được sát hại những loài có tình thức thì gọi là giới không sát sanh. Trên từ chu Phật, thánh nhân, sư tăng, cha mẹ, dưới đến loài bò, ngựa, con trùng bé nhỏ, họ có sanh mạng thì không được sát hại.

Chúng ta đã biết sự nguy hại của sát sanh, cho nên từ đây, để từ tai gia cần phải giữ gìn giới không sát sanh. Nếu như vì công việc khó tránh khỏi việc sát sanh, khi ấy không có biện pháp chuyên nghe, nhưng ít nhất cũng phải giữ gìn không được giết người và động vật lớn như: trâu, bò, ngựa, chó, heo..., hơn nữa cũng phải hết sức tránh giết những động vật nhỏ.

Bat dpo. ' không trộm cắp

Là vật của người khác chưa cho phép mà chiếm lấy hoặc dùng vô lực cưỡng đoạt tài sản của người khác như là: nhà cửa, ruộng vườn, đồ đạc quý... các vật quý trọng, thậm chí là những vật nhỏ như cây kim, ống chi, không cho mượn lấy là trộm cắp. Của cải tài sản của chúng ta, không muốn ai xâm phạm đến, của cải tài sản của người, chúng ta cũng không được giúp lấy hay lén lấy. Bởi cướp giết hay lén lấy của người là hành động trái nhân đạo, phạm luật pháp chánh quy, phải bị trừng phạt. **Trộm** cướp là do lòng tham lam ác độc, chỉ nghĩ lợi mình, quên nơi đau khổ của người. Hình thức ăn cắp được phân như sau: kẻ bề dưng cướp đoạt, y thế nhân hồi lộ, thừa lúc thiếu thốn cho vay nặng lãi, tích trữ đau khổ, bán hàng chèn lấn, âm mưu lừa gạt, cần non đông thiên, trốn thuế lậu thuế, mướm vật không trả. Bat cũ hình thức này vì lòng tham mà lấy của cải đều thuộc trộm cắp.

Bat dâm. ' không tà dâm

Dâm dục phân ra chánh và tà. Vợ chồng chính thức kết hôn mà ăn nam với nhau là chánh; gian dâm trộm tình, phi lễ phi pháp mà hành dâm thì gọi là tà. Tuy là vợ chồng chính thức, nhưng chẳng đúng cho, đúng lúc mà ăn nam với nhau hoặc phóng túng sắc dục, không tiết chế cũng gọi là tà dâm. Giới luật của Phật giáo chế định người

xuat gia thì phải hoãn toàn cat dứt su dâm dục, còn chúng sinh tại gia thì không dir9c tă dâm.

Bat vpng ngu. không nói dÖi

Nói doi là nói lời trái su thật dē muu cau l9i cho iñinh, hoặc hai ngiròi. Do dong cø tham lam doc ác, su kien the năy lai nói the khác, sù trái lăm mắt, doi phái thành quay, khien nguòi mac hoa. Vong ngu có bon thú: vong ngôn, y ngu, luỡng thiet, vắ óc khâu..

V9ng ngôn: la lời nói không thật, trái ngupc với sq thật, hoac trước mặt khen ng9i sau lưng chê bai. Tóm lai, tâm vắ mieng không đồng nhất tức là vong ngôn.

Y ngii: dùng lời nói duông mật làm dao dong, nhuc chí nguòi khác, hoặc bắ luan nhúng lời dâm dục nam nữ, biên soạn tiều thuyet tình tú doi trệy khien nguòi loan tâm deu got là y ngii.

Luỡng thiet: là ó giũa hai nguòi dùng lời nói súc siem de chia rẽ, hoặc bắ tán đúng sai, tao ra xung dot cho nguòi, khien tình ban tốt trở thành oán thù.. .

Ác khau: dùng lời nói thô lo ác doc, khien ngiròi nghe sanh dau khô, so hãi, u sau. ..., nhr trù yem nguòi khác dung xe, trúng gió. ..

Bat óm to. ' không uong ru:qu

Dao Phât chủ trương giác ngo, muon dupc giác ngo trước tiên phai diem đạm tinh sáng. Vì the, tat cả những thú nước uong có kha năng gfiy inê lăm hai nguòi, deu không nên uong. Ru9u là mot trong những thú niróc uong gây mê phôi bien nhất. uong rupu vắ gan ruôt nóng bức, tâm trí quay cuong, mat het blnh tinh không còn sáng suot, trái hắn muc đích giác ngo. Chính vì nóng bức cuỡng loan, có những nguòi say sua toi loi ho cứng dám lăm, xau xa gì ho cũng không so, mat het liiong trí. Vì the, nguòi biet đạo dúc phải tránh xa không uong ruou. Không những tu mình uong mom, mã cũng không nên khuyén vắ bat buoc nguòi khác uong ru9u. Neu pham hai trường hpp sau thì toi đó còn năng hơn toi tu mình uong ru9u, vì nhu cau trl bệnh dùng rupu dē lòm thuoc thì dir9c phép. Nhưng trước tiều can phai bach với thay, nói rõ dùng ru9u dē lăm thuoc vò sau khi bệnh lành, không du9c phép dùng nữa. Nguyên nhân dúc Phât cam uong ruou vì: uong ruçru chắng nhúng lăm mat trí khôn, lai gây nên bệnh hoan cho

thân thê, còn di hạt cho con cái sau này đàn đon. Lã một hoa hạt cho cá nhân và xã hội. Tóm lại đó là giữ gìn hạt giống trí tuệ, ngăn chặn phạm tội.

Tư tưởng triết học về ngũ giới: có năm việc mà trong hiện tại mọi người không thể làm cho của cải vật chất và sinh mạng được tăng trưởng, vì tất cả chúng sanh ưa giết hại, ưa trom cướp, ưa nói vọng và thích uống rượu thì bị luật nhân quả trừng trị.

Năm giới không chỉ là phép tắc giữ gìn căn bản của Phật tử mà cũng là đạo lý căn bản của tất cả mọi người. Nếu muốn giữ gìn hạnh phúc và sự yên ổn của cá nhân, quốc gia, xã hội thì mọi người đều phải tuân theo năm giới. Theo giáo nghĩa của Phật giáo mà nói, giữ năm giới thì mới có thể giữ gìn được thân người, mới có thể khiến chúng ta khỏi rơi vào đường ác. Thành người được thì thành Phật được. Vì thế, chúng ta muốn thành Phật thì tất nhiên phải bắt đầu thực hành năm giới căn bản.

Tóm lại, Phật giáo là một trào lưu triết học lớn của Ấn Độ cổ, trung đại. Ở giai đoạn đầu học thuyết triết học ấy chú ý đến những yếu tố duy vật và tư tưởng biện chứng về thế giới. Phật giáo đã nói lên được tiếng nói phản kháng chế độ đẳng cấp khắc nghiệt, phê phán sự bất công, đòi hỏi do bình đẳng xã hội, đồng thời nó cũng nêu lên khát vọng giải thoát con người khỏi những bị kích của cuộc đời, khuyên con người sống mong thi en, từ bi, bác ái góp phần hoàn thiện đạo đức cá nhân. Tuy nhiên trong triết lý nhân sinh của Phật giáo vẫn mang nặng tính chất bị quan không tương và duy tâm về xã hội, ảnh hưởng đến con người trong hoạt động của họ.

1.3 Quá trình du nhập của Phật giáo vào Việt Nam và vùng Đông Nam Bộ Sông Cửu Long

1.3.1 Quá trình du nhập của Phật giáo vào nước ta

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, vào khoảng đầu công nguyên qua hai con đường ho tiêu (đường biển) và đông có (đường bộ)

Phật giáo du nhập qua con đường ho tiêu

Con đường ho tiêu tức là đường biển, xuất phát từ các hải cảng vùng nam Ấn qua ngã Srilanka, Indonesia, Việt Nam. ...lối đường được lòng gió thổi định kỳ vào hai lần một năm phù hợp với hai mùa mưa nắng ở khu vực đông nam Á, những thương nhân Ấn Độ đã tới các vùng này để buôn bán hàng hóa cùng con thuyền buồm. Trong các

chuyen di vien duong nay, cac thuong nhan throng cung thinh mot hay hai vi tăng dē cau nguyen cho thuy thù đoãn vā các vi tăng nầy nhò đó rñà den truyen bá dao Phāt vào các ddān toc o Dōng Nam Á. Giao Châu tiêu biēu bay giò **lã trung** tâm Luy Lâu, lã noi tu diēm nghi chân giao luu cūa các thuong thuyen. Lich sū chính thúc xác nhân năm 240 trước tây lich, Mahoda — con vua A Duc (Asoka) đã dna dao Phāt vảo Viet Nam. Tu lieu trong linh nam chính quái cho biet mot dũ kien chúng to su có mặt cūa dao Phāt vào đời Hùng Vương thú 3 (trieu dat thú 1 8 Vua Hùng kê từ trước công nguyên 2879 — 258). Đó là câu chuyen công chúa Tiên Dung, con gái vua Hùng Vương thú 3 lay Đông Tù. Chuyen ké rang Đông Tù vā Tiên Dung lập pho xá buôn bán giao thiep vói nguòi nước ngoāi. Mot hôm Dong Tù theo mot khách buôn ngoai quoc den Quynh Viên vò tai đây Đông Tù đã gặp mot nhà su Ấn Do o trong mot túp leu. Nhò đó mò Dong Tu vò Tiên Dung đã biet den dao Phat. Qua dũ kien này ta thay su hien dien cūa Phāt giáo do các tăng si Ấn Do truyen vảo Viet Nam khá lâu trước tây lich.

Mot bǎi nghiēn cứu cūa Ngô Dǎng Lợi, vien nghiēnm cứu khoa hpc Hai Phòng viet: “Vùng Đô Sơn mà có nhà nghiēn cứu khǎng đlnh chính là thành Nê Lê noi có bào tháp cūa vua Asoka. Neu quā vāy thì từ the kỹ thú ba trước Tây lich, Dao Phāt đã dirqc truc tiep truyen vào nước ta”. Vā Thien Uyēn Tập Anh cúng ghi nhân cuoc dǎm luan giūa thien su Thông Bien và Thái Han Phūi Thánh Linh Nhân (Ỗ Lan) (khi bà hói ve ngoc Dao Phāt Viet **Nam** vảo dip các cao tăng trong nước trap h9p tại chia a **Khai** Quoc (nay lã chùa Tran Quoc — Hả Noi) vảo ngày ram tháng 2 năm 1096) Thông Bien din chúng lòi pháp str Dārñ Thiên (542-607 TL) doi thoai vói Tuỷ Cao De (?-604 TL): “Mot phumlg Giao Châu, duòng sang Thiên Trúc, Phāt pháp lúc mới tới, thì Giang Đông (Trung Hoa) chua có, mà Luy Lâu lai dimg chùa hơn 20 ngôi, đô tăng hơn 40 nguòi, dlch kinh du9c 15 quyēn, vì nó có trước vāy, vā kúc ay thì đã có Khâu Đà La, Ma Ha Ky Vqc, Khuong Tăng Hoi, Chi Cirong Luong, Mâu Bác tai đó”, Ma Ha Ky Vuc, Khâu Đà La (188 TL) nguòi Ấn Do hay Trung Á; Mfiu Bác (165- 170 TL) nguòi Trung Hoa; Khtrmlg Tăng Hoi, Chi Cirong Lumlg (?-264 TL) nguòi xū Nhuc Chi, theo sū chép đó lã cac vi su có mặt sớm nhất o Giao Châu vảo khoảng the kỹ thú hat den the kỹ thú ba. Có lẽ đây chi lã nhùng vi dupc su ghi lai tên tuôi, kỹ thuc đây không phai là

phái đoàn truyền bá đạo tiên đến Việt Nam, vì từ thế kỷ thứ ba trước Tây Lịch đến thế kỷ thứ hai sau Tây Lịch chắc chắn đã có nhiều tăng sĩ đặt chân đến hoàng pháp tại Việt Nam, cho nên Pháp sư Đàm Thiên chỉ đàn phan giới hạn và căn cứ vào sự có mặt của tác phẩm Lý hoặc Luân của Mâu Bác.

Qua nhiều tài liệu lịch sử và dựa vào địa lý, thiên nhiên, cư dân, lịch sử có thể chúng ta có một kết luận chắc chắn rằng Đạo Phật đã được truyền trực tiếp vào Việt Nam chứ không thông qua Trung Hoa bằng con đường Hồ Tiêu. Tuy nhiên, cũng có **nhiều** cứ liệu lịch sử chứng minh rằng Đạo Phật đồng thời truyền vào Việt Nam qua con đường Đông Cò.

Phật giáo đi nhập qua con đường đường có

Con đường đông có tức là con đường bo hay còn gọi con đường tơ lụa, con đường này nối liền Đông Tây, xuất phát từ vùng đông bắc Ấn Độ, Assam hoặc phía Trung Á, một nhánh của đường tơ lụa đi từ châu Âu qua các vùng thảo nguyên và vùng sa mạc ở Trung Á tới lục địa phương tiện lạc đà. Cũng có thể các thương nhân và tăng sĩ qua vùng Tây Tạng và các triền sông Mêkong, sông Hồng, sông Dã mã vào Việt Nam. Cuốn lịch sử Phật giáo Việt Nam (Hà Nội, 1988) có nói rõ: “các thương nhân xuất phát từ trung Ấn có thể dùng tuyến đường bo ngang qua đèo ba chùa và theo sông Kanburi mà xuống châu thổ Mênam, bang tuyến đường hiện nay vẫn nối liền cảng Moulinein với thành phố Raheng, nằm trên một nhánh của con sông Mênam (...) chính tuyến đường này dẫn tới vùng Bassak ở trung lưu sông Mekong, địa bàn của vương quốc Kambujan. Vương quốc này có thể là do di dân Ấn Độ thành lập trước công nguyên. Rất có thể các tăng sĩ Ấn Độ vào đầu công nguyên đã theo con đường này mà đến đất Lào, rồi từ đây vượt trường sơn sang Thanh Hoá hay Nghệ An”.

Những dữ kiện về con đường hồ tiêu và con đường đông có liên quan đến sự giao lưu của Việt Nam tuy chưa nhiều chứng minh có những chứng tích mà lịch sử còn để lại, dù lịch sử truyền miệng hay thành văn, theo lịch sử Phật giáo Việt Nam thì vào thế kỷ thứ II trước tây lịch, vua Ấn Độ Asoka sau cuộc đại hội kết tập kinh điển lần thứ ba, vua và trường lão Tissa Moggaliputta đã gọi nhiều phái đoàn như lai sứ già lên đường truyền bá chánh pháp cho các nước thuộc vùng viễn đông, trong đó có đoàn của

hai vì cao tăng là Uttara và Sona được phái đến Suvana — Bhumi, xứ kim địa. Tuy có nhiều ý kiến khác nhau về vùng kim địa nhưng ý kiến trong quyển Ilch sử Phật giáo thế giới thì cho rằng vùng kim địa này là bán đảo Đông Dương từ Miền Điện kéo dài đến Việt Nam. Văn đề này được sách lịch sử Phật giáo Việt Nam viết: “sử liệu Phật giáo Miền Điện chép rằng hai vị cao tăng đó (Uttara và Sona) đã đến Miền Điện truyền giáo nhưng sử liệu Phật giáo tại Thái Lan cũng ghi là hai cao tăng Uttara và Sona có đến Thái Lan truyền giáo. Có học giả đưa vào một tài liệu Trung Hoa nói rằng ở Giao Châu tại thành Nê Lê, có bao tháp của vua Asoka, và học giả đó xác định thành Nê Lê chính là Đô Sơn hiện nay (cách Hải Phòng khoảng 12km)”.

Nói chung căn cứ theo các tài liệu trên thì chúng ta có thể khẳng định rằng Phật giáo truyền vào Việt Nam khoảng đầu kỷ nguyên tây lịch bằng những phật tử tiên khởi và vì thế không một giọt máu nào đã chảy, không một giọt lệ nào rơi vì sự truyền bá đạo Phật vào Việt Nam.

1.3.2 Quá trình du nhập của Phật giáo vào vùng Đông Bắc Sông Cầu Long

The kỉ XVI, với sự phân chia Đàng Trong và Đàng Ngoài giữa hai họ Trịnh và họ Nguyễn, lấy sông Gianh làm ranh giới, đã mở một mốc quan trọng có ảnh hưởng đến lịch sử Phật giáo. Một phần nào đó, những ảnh hưởng từ phía Bắc đã dần dần xem như không còn tác dụng đối với vùng đất Đàng Trong mang những nét đặc trưng riêng trong quá trình phát triển sau này.

Người Việt đã di dân vào khai phá vùng đất phía Nam của tổ quốc này, vùng đất mà đạo Phật đã có từ rất sớm. Ở đây có thể nêu lên một cách khái quát về con đường chủ yếu của Phật giáo vào Đông Bắc Sông Cầu Long. Mặc dù theo chân đoàn di dân, đạo Phật đã có mặt trên vùng đất mới tại mọi khu vực thời gian có khác nhau nhưng có thể tìm thấy ba hướng chủ yếu:

Hướng thứ nhất, trong số đoàn di dân từ miền Thuận — Quảng vào khai phá vùng đất mới, có cả những nhà sư người Việt và người Hoa. Sử liệu còn ghi lại ruột số chùa như Đất Giác, Long Thiên (Đông Nai), Kim Chuông, Khai Tường, Từ Ân (Gia Định).. .do đó các thiền sư từ miền Trung vào theo hướng đường bộ và đường thủy từ Đông Nai xuống Gia Định, vào thế kỉ XVII, XVIII, XIX.

Hướng the hai, theo đường thủy, từ Trung Quốc, đạo Phật đã được các nhà sư đến vùng đất Đông Nai, Gia Định, Mỹ Tho truyền đạo (1679). Đây là những nhà sư thuộc nhóm của các tướng Trần Thượng Xuyên đến lập nghiệp ở Trần Biên và Đương Ngạn Dich đến Gia Định và phụ tá của Đương Ngạn Dich là Hoàng Tiên dẫn đầu một nhóm đến Mỹ Tho. Nhưng ngôi chùa có ở Mỹ Tho, Cai Lậy và các Phật đường sau này xuất phát từ các nhà sư Trung Quốc này.

Hướng the ba, đầu thế kỷ XVIII, Mạc Cửu người Quảng Đông, từ Chân Lạp sang vùng đất mới, đặt tên là Hố Tiên, dựng chùa Tản Bào. Ngôi chùa này cho đến nay vẫn còn nổi tiếng. Đây là một trong những hướng di nhập của Phật giáo Trung Hoa vào Đông Nam Bộ theo hướng ngược lại với cuộc di dân.

Hướng the tư, năm 1938, Hồ Tông truyền bá Phật giáo Nam Tông từ Campuchia vào Nam Bộ, đem lại cho Phật giáo Đông Nam Bộ một nét mới mẻ.

Đông Nam Bộ Cửu Long từ lâu là nơi là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc: Đặc biệt là người Kinh, người Hoa, người Khơme, người Chăm. .. là một khu vực lịch sử - văn hoá, qua các công trình nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giao lưu văn hoá giữa các cộng đồng cư dân trên rất đậm nét. Đặc biệt, trên lĩnh vực tôn giáo — tín ngưỡng ở cư dân Việt, cộng đồng dân tộc chủ yếu trên vùng đất Nam Bộ, đã tồn tại **nhiều** hình thức thờ cúng phong phú, đa dạng.

Từ thế kỷ XVII, XVIII, XIX và đầu thế kỷ XX, Nam Bộ đã tiếp nhận nhiều thành phần cư dân đến sinh sống. Thời gian đến khác nhau, thành phần dân tộc có nhiều, vì thế các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng do vậy cũng phong phú, đa dạng. Nhưng Phật giáo vẫn là tôn giáo chủ đạo của người Việt, người Hoa và cả người Khơme. Người Khơme theo Phật giáo Nam Tông. [11, trang 28]

Chương 2: THỨC TRẠNG ẢNH HƯỞNG CỦA TRIẾT HỌC PHẬT
GIÁO ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA MỘT BỘ
PHAN DÂN CƯ Ở TỈNH BẠC LIÊU

2.1 Khái quát vài nét về đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh Bạc Liêu

2.1.1 Khái quát về đặc điểm tự nhiên của Bạc Liêu

**TÀI LIỆU GỒM 68 TRANG
BẠN CHỈ ĐƯỢC XEM ĐẾN ĐÂY
[HTTPS://TUIKHON.EDU.VN](https://tuirhon.edu.vn)
WEBSITE TÀI LIỆU CHUẨN WORD**